

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày: 19 - 10 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN – HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Lượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ánh Hồng

Bà Phan Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tân Hòa – kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2015/TLST – KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2015 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST – KDTM ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H - sinh năm 1948

Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân xí nghiệp H.

Địa chỉ: Số 402, đường X, phường N, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2/ Bị đơn: Công ty Cổ phần T Hòa Bình

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị X

Chức vụ: Phó giám đốc Công ty Cổ phần T Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/5/2015 và các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Ngày 13/02/2012 Doanh nghiệp tư nhân xí nghiệp H do bà Vũ Thị H làm giám đốc đã ký hợp đồng mua bán than với Công ty TNHH một thành viên T Hòa Bình (Nay là Công ty Cổ phần T Hòa Bình) do ông Nguyễn Văn Q làm

giám đốc với nội dung mua bán than nghiền, giá 650.000 đồng/1 tấn. Thực hiện hợp đồng mua bán than hai bên đã mua bán với nhau nhiều đợt, đến 2/8/2012 Xí nghiệp H đã cung cấp với khối lượng là 494,011 tấn, thành tiền là 321.107.150 đồng. Công ty cổ phần T đã thanh toán được 100.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 221.107.150 đồng. Hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ 2 lần vào ngày 01/10/2012 và ngày 5/6/2013. Sau đó đã nhiều lần Xí nghiệp H yêu cầu Công ty cổ phần T Hòa Bình thanh toán số nợ trên nhưng Công ty vẫn không trả nợ. Đến nay bà Vũ Thị H yêu cầu Công ty Cổ Phần T Hòa Bình phải thanh toán cho bà số tiền là 221.107.150 đồng cùng lãi suất chậm trả phát sinh từ ngày 01/10/2012 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Quá trình cung cấp chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ Phần T Hòa Bình bà Bùi Thị Xuân trình bày:

Thông nhất với trình bày của phía nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng mua bán than giữa Doanh nghiệp tư nhân xí nghiệp H do bà Vũ Thị H làm giám đốc đã ký hợp đồng mua bán than với Công ty TNHH một thành viên T Hòa Bình (Nay là Công ty Cổ phần T Hòa Bình) và số tiền Công ty Cổ phần T Hòa Bình còn nợ lại là 221.107.150 đồng. Tuy nhiên Công ty không đồng ý trả hết số tiền này vì chất lượng than do Xí nghiệp H cung cấp có chất lượng kém, nên gạch không bán được gây thiệt hại cho công ty. Công ty Cổ phần T Hòa Bình chỉ đồng ý trả cho Xí nghiệp H số tiền là 110.000.000 đồng và không tính tiền lãi chậm trả tiền.

Đại diện Viện kiểm sát huyện L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thời hạn xét xử thẩm phán chưa tuân thủ thời hạn xét xử theo quy định của BLTTDS, vi phạm về thời hạn xét xử. Tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H, buộc Công ty cổ phần T Hòa bình phải trả cho bà H số tiền mua than còn nợ là 221.107.000 đồng, và tính lãi suất chậm trả phát sinh từ tháng 06/2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Vũ Thị H giám đốc Doanh nghiệp tư nhân xí nghiệp H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần T Hòa Bình thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng mua

bán than giữa hai bên, do vậy xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại “Tranh chấp mua bán hàng hóa”. Công ty cổ phần T Hòa Bình có trụ sở tại xã T, huyện L. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.

[2] Về nội dung:

Ngày 13/02/2012 Doanh nghiệp tư nhân xí nghiệp H do bà Vũ Thị H làm giám đốc đã ký hợp đồng mua bán than với Công ty TNHH một thành viên T Hòa Bình (Nay là Công ty Cổ phần T Hòa Bình) do ông Nguyễn Văn Q làm giám đốc với nội dung mua bán than nghiền, giá 650.000 đồng/1 tấn. Thực hiện hợp đồng mua bán than hai bên đã mua bán với nhau, đến 2/8/2012 Công ty cổ phần T nợ bà Vũ Thị Huệ là 321.107.150 đồng. Công ty cổ phần T đã thanh toán được 100.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 221.107.150 đồng. Số tiền này được hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ 2 lần vào ngày 01/10/2012 và ngày 5/6/2013. Bà Vũ Thị H đã nhiều lần đòi nợ nhưng phía Công ty cổ phần T cho rằng than do bà H cung cấp không đảm bảo chất lượng nên gạch ra lò rạn nứt không đạt tiêu chuẩn nên bà H phải hỗ trợ thiệt hại cho Công ty. Về vấn đề này HĐXX xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án huyện L đã có Thông báo cho Công ty cổ phần T về việc cung cấp chứng cứ về thiệt hại do than mua của bà Vũ Thị H gây ra và thông báo cho Công ty về làm thủ tục yêu cầu phản tố (Nếu có), nhưng phía công ty không có yêu cầu cũng như không cung cấp được chứng cứ thiệt hại do than của bà H gây ra. Do vậy việc Công ty T đưa ra lý do than kém chất lượng để không trả số tiền nợ còn lại là không có căn cứ không được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của bà Vũ Thị H buộc Công ty T phải trả số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán than là 221.107.000 đồng và tính lãi chậm trả là có căn cứ chấp nhận theo điều 50, điều 306 Luật thương mại năm 2005.

[4] Về thời điểm tính lãi chậm trả, bà Vũ Thị H yêu cầu tính lãi từ ngày 01.10.2012 đến khi xét xử sơ thẩm. HĐXX xét thấy tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/06/2013 hai bên Công ty T và bà Vũ Thị H vẫn chốt số nợ là 221.107.000 đồng, do vậy thời điểm tính lãi chậm trả sẽ được tính từ ngày 06/6/2013 là có căn cứ.

[5] Về mức lãi suất chậm trả, bà H yêu cầu tính lãi chậm trả là 11%/1 năm, HĐXX xét thấy căn cứ vào điều 306 Luật thương mại quy định quyền yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán, mức lãi suất chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Áp dụng án lệ số 09/2016 của

HĐTPATC để xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm của 3 ngân hàng trên địa bàn. Theo cung cấp của Ngân hàng cổ phần đầu tư và phát triển chi nhánh huyện L, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện L, Ngân hàng Liên Việt chi nhánh huyện L thì lãi suất nợ quá hạn bình quân của 3 ngân hàng trên hiện nay là 16,25%/1 năm. Như vậy lãi suất bà H yêu cầu tính là 11%/1 năm là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường nên được chấp nhận.

[6] Thời điểm tính lãi suất chậm trả tính từ tháng 06/2013 đến tháng 10/2018 là 64 tháng với lãi suất 0,91%/1 tháng (11%/1 năm) trên số tiền 221.107.000đ là 128.700.000 đồng tiền lãi. $(221.107.000 \text{ đ} \times 0,91) \times 64 = 128.700.000$

[7] Về án phí:

Công ty cổ phần T Hòa Bình phải chịu án phí sơ thẩm

Bà Vũ Thị H không phải chịu án phí sơ thẩm, trả lại cho bà Vũ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện L, Hòa Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 điều 30, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 50, điều 306 Luật thương mại.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị H

Buộc Công Ty cổ phần T Hòa Bình phải trả cho bà Vũ Thị H số tiền là 349.800.000 đồng, trong đó 221.107.000 đồng tiền nợ gốc và 128.700.000 đồng lãi suất do chậm thanh toán.

Kể từ ngày án có hiệu lực, bà Vũ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty cổ phần T Hòa Bình chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: căn cứ khoản 2 điều 27 Pháp lệnh án phí, khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự buộc Công ty cổ phần T Hòa Bình phải nộp 17.490.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Bà Vũ Thị H không phải chịu án phí, trả lại cho bà Vũ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.527.000 đồng theo biên lai số 05709 ngày 20/5/2015 của Chi cục thi hành án huyện L.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Kim Lượng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện L- ông Sơn
- Thi hành án DS;
- Các đ- ông sự.
- L- u: HS+VT.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Thụ: phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”

Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 194, điều 33, điều 53 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thụ 07 năm 06 tháng (bảy năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2017.

2.Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Thụ phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án này theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện LS;
- C.A huyện LS;
- UBND xã Nhuận trạch.;
- Bị cáo;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA